

Số: ~~249~~/BC-UBND

Tân Yên, ngày 26 tháng 10 năm 2018

## BÁO CÁO

**Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018;  
mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2019**

### Phần thứ nhất

### TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

Năm 2018, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sát với tình hình thực tiễn của địa phương. Chú trọng phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh trật tự; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật và sự chỉ đạo điều hành quyết liệt từ huyện đến cơ sở. Do vậy, tình hình kinh tế - xã hội của huyện tiếp tục được duy trì và đạt kết quả khá; đời sống nhân dân ổn định, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo những nội dung chủ yếu về tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 và đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, như sau:

#### I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

##### 1. Về phát triển kinh tế

##### 1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ước đạt 3.868 tỷ đồng, bằng 100,2% kế hoạch năm, tăng 11,1% so với cùng kỳ.

- *Trồng trọt*: Tổng diện tích gieo trồng 21.162ha, đạt 97,8% KH, bằng 96,6% so với cùng kỳ năm 2017<sup>(1)</sup>. Huyện có nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ cho nông dân như: Hỗ trợ 40% giá giống lúa chất lượng TBR225, Kim Cương 111, Bắc Thơm số 7 vào sản xuất đại trà; hỗ trợ sản xuất cây hàng hóa thành vùng tập trung, ứng dụng công nghệ cao... Năng suất lúa bình quân năm 2018 là 56,5 tạ/ha, tăng 0,7 tạ/ha so với cùng kỳ, sản lượng đạt 74.275 tấn. Sản lượng vải thiều 15.000 tấn, bằng 142,9% KH, tăng 15,4% so với cùng kỳ, giá trị ước đạt 150 tỷ đồng. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết phát triển cây ăn quả, kết quả, trồng mới được 159 ha/185 cây ăn quả, đạt 85,9%KH; Tiếp tục thực hiện đề án phát triển cây dược liệu, đến nay có 181,4 ha cây dược liệu, trong đó một số cây dược liệu (*Kim tiền thảo, gấc, nghệ*) có hợp đồng sản xuất và bao tiêu sản phẩm<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Trong đó: lúa 12.853 ha đạt 99,9% KH, bằng 98,4% so với cùng kỳ, năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt 57,8 tạ/ha, sản lượng đạt 74.275 tấn đạt 102,1% KH, bằng 96,5% so với cùng kỳ; diện tích lạc 2.142 ha đạt 82 % KH, bằng 77,6 % so với cùng kỳ, năng suất đạt 26,7 tạ/ha, sản lượng đạt 5.722 tấn đạt 82,7% KH, bằng 78% so với cùng kỳ; Ngô lai diện tích 330 ha đạt 61,2% KH, bằng 64,3% so với cùng kỳ, năng suất ước đạt 32,6 tạ/ha, sản lượng ước đạt 1.075,8 tấn đạt 64,3%KH, bằng 64,5% so với cùng kỳ; Cây rau quả thực phẩm các loại 2.689 ha đạt 100,9%KH, bằng 108% so với cùng kỳ, trong đó rau chế biến 691 ha, nhóm ngô hàng hóa là 1.905 ha; Khoai tây 208 ha đạt 118,2%KH, bằng 130,4% so với cùng kỳ, năng suất đạt 120,9 tạ/ha, sản lượng đạt 2.515 tấn; Khoai lang 530 ha, năng suất đạt 113,6 tạ/ha, sản lượng 6.021 tấn, đạt 77,2% KH, và 73,6% so với cùng kỳ.

<sup>2</sup> Trong đó: đinh lăng 143 ha, gấc 16,5 ha, kim tiền thảo 7,6 ha, sâm nam 1,1 ha, nghệ 3,5 ha.

- *Chăn nuôi, thủy sản:* Tình hình đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định, không có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra; chăn nuôi khởi sắc, giá bán thịt lợn và gia cầm tăng; các hộ chăn nuôi lợn tái đàn hợp lý, ổn định sản xuất. Số lượng tổng đàn gia súc 231.690 con (*trong đó: có 3.870 con trâu, 22.520 bò và 205.300 con lợn*) giảm 6,0% so với cùng kỳ, tổng đàn gia cầm 2.400 nghìn con bằng so với cùng kỳ. Sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 35.642 tấn, giảm 0,5% so với cùng kỳ, giá bán các sản phẩm của ngành chăn nuôi tăng, nhất là giá lợn thịt. Giá trị của ngành chăn nuôi ước đạt 1.898 tỷ đồng, bằng 101,1%KH, tăng 16,8% so cùng kỳ. Diện tích nuôi trồng thủy 1.350 ha, trong đó theo hướng thâm canh, bán thâm canh 1.150 ha, sản lượng ước đạt 7.825 tấn, giảm 8,9% so cùng kỳ.

### **1.2. Công tác xây dựng nông thôn mới**

Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt, với sự tham gia của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân; các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện đã thường xuyên bám sát cơ sở, cùng cấp ủy, chính quyền các xã tháo gỡ khó khăn, nỗ lực quyết tâm hoàn thành tiêu chí và công trình xây dựng NTM. Đến nay, có 10 xã đạt chuẩn NTM<sup>(3)</sup>, dự kiến đến 31/12/2018, tổng số tiêu chí NTM đạt chuẩn trên địa bàn huyện là 361 tiêu chí, bình quân đạt 16,4 tiêu chí/xã (*tăng 0,6 tiêu chí*) so với cùng kỳ. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ của xã Lam Cốt, đề nghị Tổ thẩm tra huyện, đoàn thẩm định của tỉnh thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận xã Lam Cốt đạt chuẩn NTM (*dự kiến tháng 12/2018*).

### **1.3. Phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp, quản lý điện năng**

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển ổn định, một số lĩnh vực sản xuất công nghiệp tạo ra giá trị sản xuất lớn, tạo việc làm cho nhiều lao động tại địa phương: may gia công, sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất VLXD, cơ khí và sản xuất bao bì... thu hút, tạo việc làm cho hơn 7.200 lao động trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Giá trị sản xuất CN- TTCN ước đạt 1.350 tỷ đồng đạt 118,4 % so với kế hoạch, tăng 36,9% so với cùng kỳ.

Ngành điện đã đầu tư xây dựng, sửa chữa thường xuyên lưới điện trên địa bàn như bổ sung 7.613m cáp, 125 cột điện hạ thế đảm bảo chất lượng nguồn điện cho sản xuất và tiêu dùng; sản lượng điện năng tiêu thụ ước khoảng 156 triệu Kw/h tăng 7,5% so với cùng kỳ. Hướng dẫn, đơn đốc HTX dịch vụ điện xã Ngọc Lý, An Dương bàn giao lưới điện hạ áp nông thôn về ngành điện quản lý theo quy định.

### **1.4. Giao thông, xây dựng**

Công tác đầu tư xây dựng trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực, giá trị ngành xây dựng ước đạt 2.912 tỷ đồng, bằng 102,2%KH, tăng 26,9% so với cùng kỳ. Công tác lập quy hoạch xây dựng được các cấp, các ngành tích cực triển khai, đến nay nhiều dự án quy hoạch quan trọng được thực hiện. Công tác chuẩn bị đầu tư, công tác thẩm định dự án, thẩm định kế hoạch đấu thầu đã có những bước tiến

<sup>3</sup> Các xã: Quang Tiến, Liên Sơn, Ngọc Lý, Cao Thượng, Phúc Hòa, Quế Nham, Việt Lập, Phúc Sơn, Đại Hóa, Ngọc Châu

bộ thực hiện theo đúng Luật Đầu tư công. Các nhiệm vụ trọng tâm, các dự án do UBND huyện làm chủ đầu tư, dự án xây dựng nông thôn mới,... được hoàn thành, phát huy hiệu quả, thúc đẩy phát triển kinh tế, phúc lợi, an sinh xã hội.

Trong năm 2018, đã triển khai 18/18 công trình do huyện làm chủ đầu tư (*Trong đó, 11 công trình xây dựng mới; 6 công trình hạ tầng khu dân cư; 01 công trình chuyển tiếp năm 2017 sang năm 2018*) và các công trình xây dựng nông thôn mới; đến nay cơ bản các dự án đã hoàn thành đi vào sử dụng; giá trị khối lượng hoàn thành ước đạt 176 tỷ đồng, giá trị giải ngân ước đạt 173 tỷ đồng bằng 100% kế hoạch vốn năm 2018.

Tập trung chỉ đạo trả nợ xây dựng cơ bản, kết quả trả nợ đến hết 9 tháng là 11,7 tỷ đồng, giảm 45% nợ đọng XDCB (*còn nợ 14,428 tỷ đồng*); dự kiến đến 31/12/2018, hoàn thành 100% công nợ xây dựng cơ bản.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang về chính sách hỗ trợ làm đường BTXM. Kết quả thực hiện đến ngày 25/10/2018 cấp 22.800 tấn xi măng, tương ứng làm 103 km đường GTNT (đạt 57% kế hoạch); phân đấu đến hết năm 2018 hoàn thành 100% KH.

Tiến độ GPMB đường TL 295 đoạn Ngọc Châu- Thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, kết quả đến ngày 25/10/2018, có khoảng 65% số hộ gia đình nằm trong diện phải GPMB đã đồng ý hiến đất và tài sản trên đất để thực hiện công tác GPMB.

### ***1.5. Thương mại và dịch vụ***

Hoạt động thương mại, dịch vụ đang trên đà phát triển, tập trung phát triển ở các dịch vụ bán lẻ, dịch vụ bưu chính viễn thông, dịch vụ ăn uống. Trong năm, đã tổ chức 02 cuộc trưng bày giới thiệu sản phẩm của huyện tại Hội báo xuân Mậu Tuất và Hội nghị xúc tiến tiêu thụ vải thiều tại thành phố Bắc Giang, qua đó giới thiệu, quảng bá sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của huyện tới đông đảo bà con nhân dân trong và ngoài tỉnh để xúc tiến tiêu thụ sản phẩm. Giá trị sản xuất ngành thương mại, dịch vụ ước đạt 2.964 tỷ đồng, đạt 109,8% so với kế hoạch, tăng 22,6% so với cùng kỳ.

### ***1.6. Công tác Tài chính, tín dụng, ngân hàng***

Tập trung chỉ đạo các biện pháp nhằm tăng thu, chống thất thu ngân sách. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện. Thu ngân sách nhà nước vượt dự toán được giao và tăng cao so với cùng kỳ, ước đạt 943,4 tỷ đồng, bằng 144% so với dự toán, tăng 16,8% so với cùng kỳ. Hầu hết các chỉ tiêu thu đạt khá, có 8/10 chỉ tiêu thu hoàn thành và hoàn thành vượt dự toán huyện giao, còn 02 chỉ tiêu thu không đạt kế hoạch (*Thu thuế ngoài quốc doanh và lệ phí trước bạ*). Chi ngân sách ước đạt 829 tỷ đồng, đạt 129,5% so với dự toán giao, tăng 5,7% so cùng kỳ.

Tổng huy động nguồn vốn của các ngân hàng và tổ chức tín dụng ước đạt 2.885,6 tỷ đồng, tăng 9,8% so với cùng kỳ<sup>(4)</sup>. Tổng dư nợ tín dụng ước 1.710 tỷ

---

<sup>4</sup> Huy động vốn: Ngân hàng NN&PTNT 2.215,5 tỷ đồng, Ngân hàng Đông Á 210 tỷ đồng, Ngân hàng đầu tư và phát triển 165 tỷ đồng; các tổ chức tín dụng 295,1 tỷ đồng.

đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ<sup>5</sup>; nợ xấu 18,1 tỷ đồng bằng 1,05% so với tổng dư nợ, tăng 4,6 tỷ đồng so với cùng kỳ<sup>(6)</sup>.

### **1.7. Hoạt động đầu tư, phát triển doanh nghiệp**

Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước đạt 3.217 tỷ đồng, đạt 134% KH, tăng 39,6% so với cùng kỳ. Thu hút đầu tư có nhiều thuận lợi, đã thu hút 27 dự án, trong đó có 12 dự án đầu tư mới, 10 dự án xin điều chỉnh, 05 dự án xin giãn tiến độ thực hiện; đến nay UBND tỉnh ra quyết định chấp thuận đầu tư cho 03/12 dự án đầu tư mới<sup>7</sup>, 02/10 dự án xin điều chỉnh, 5/5 dự án xin giãn tiến độ. Thành lập mới 26 doanh nghiệp, đạt 173,3% KH, tăng 18,2% so với cùng kỳ; tổng số 285 doanh nghiệp, trong đó có 240 doanh nghiệp đang hoạt động tạo việc làm cho khoảng gần 9.000 lao động; 06 hợp tác xã thành lập mới, bằng 300%KH; 1086 hộ dân được cấp phép ĐKKD theo quy định.

### **1.8. Công tác Tài nguyên - Môi trường**

Trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2018; triển khai việc lập kế hoạch sử dụng đất, danh mục thu hồi đất lúa năm 2019 đối với các xã, thị trấn. Hoàn thành kế hoạch dồn đổi ruộng giai đoạn 2017- 2018 với diện tích 1340ha/1150ha, đạt 116%KH. Thực hiện công tác quy hoạch, giao đất, thu hồi đất, giải quyết các tồn đọng về đất đai tại các xã, thị trấn theo quy định của pháp luật<sup>(8)</sup>. Kiểm tra xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản 3 trường hợp, số tiền 42,5 triệu đồng. Cấp GCN sau dồn đổi ruộng được 2.790 giấy, đang thẩm định 2.297 giấy và đang lập hồ sơ 4500 giấy; 1.967/1.630 Giấy chứng nhận QSD đất đạt 121%KH (trong đó cấp lần đầu 583 giấy, chuyển đổi quyền sử dụng đất 1.384 giấy).

Phê duyệt, triển khai giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt cho các xã, thị trấn theo Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang. Tổ chức bàn giao 34 xe thu gom vận chuyển rác cho các xã Lam Cốt, Ngọc Vân và 5.280 lít chế phẩm sinh học cho các xã. Chỉ đạo giải tỏa 4/7 bến, bãi chứa cát sỏi không nằm trong quy hoạch; đề nghị tỉnh bổ sung làm bến thủy nội địa đối với 3 bến (Công ty Thu Nhám, Công ty Cường Sáu, hộ ông Trần Văn Hoạt).

## **2. Về lĩnh vực Văn hóa- Xã hội**

### **2.1. Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, thông tin và truyền thông**

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phục vụ các sự kiện và nhiệm vụ chính trị của đất nước, của tỉnh và của huyện như: Phối hợp tổ chức thành công Hội báo Xuân Mậu Tuất năm 2018 và các hoạt động kỷ niệm 70 năm Bác Hồ có Sáu điều dạy

<sup>5</sup> Dư nợ: Ngân hàng NN&PTNT 1250 tỷ đồng, Ngân hàng Đông Á 150 tỷ đồng, Ngân hàng đầu tư và phát triển 145 tỷ đồng; các tổ chức tín dụng 165 tỷ đồng

<sup>6</sup> Trong đó, Ngân hàng NN&PTNT 15 tỷ đồng; các quỹ tín dụng: 2,6 tỷ đồng; Ngân hàng Đông Á 0,5 tỷ đồng.

<sup>7</sup> Dự án “Trường mầm non Hương Thảo” của Công ty TNHH TM Thăng Long Bắc Giang, “Xây dựng cửa hàng xăng dầu xã Việt Lập” của DN tư nhân Minh Huy, “Hoàn thiện, đóng gói các sản phẩm từ giấy” của Công ty TNHH Đại Dương”.

<sup>8</sup> Thu hồi, GPMB 9,75ha đất xây dựng khu dân cư đối với 17 dự án; giao 9.380m<sup>2</sup> đất cho 4 cá nhân thuê, tham mưu UBND tỉnh cho 9 tổ chức thuê 72.662m<sup>2</sup> đất (thực hiện dự án 40.827m<sup>2</sup>, cho thuê 31.835m<sup>2</sup>).

CAND<sup>(9)</sup>... Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa đạt nhiều kết quả<sup>(10)</sup>; Công tác quản lý di sản văn hóa được quan tâm, đã chỉ đạo 05 đơn vị tu sửa, nâng cấp di tích năm 2018<sup>(11)</sup>, phối hợp với Bảo tàng tỉnh khảo sát, lập hồ sơ đề nghị công nhận di tích Đồi văn hóa kháng chiến (xã Quang Tiến) và Đình Sắt (Liên Sơn) là di tích cấp tỉnh; Chỉ đạo tổ chức thành công 04 lễ hội trọng điểm<sup>(12)</sup> và lễ đón nhận Bằng công nhận di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia Lăng Giáp Đăng Luân, xã Việt Lập đảm bảo an toàn, tiết kiệm.

Công tác du lịch, gia đình được đẩy mạnh<sup>(13)</sup>; Phong trào TDTT tiếp tục được duy trì và phát triển: Tổ chức thành công 11/13 giải thể thao cấp huyện, kết quả BTC đã trao 125 giải nhất, 125 giải nhì, 219 giải ba và tham gia 12/13 giải thể thao cấp tỉnh năm 2018, kết quả đoạt 35 HCV, 28 HCB, 23 HCD<sup>(14)</sup> dẫn đầu 10 huyện, thành phố. Tham gia Liên hoan tiếng hát Quan họ tỉnh Bắc Giang, kết quả đạt giải B toàn đoàn. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội<sup>(15)</sup>.

Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tiếp tục được đẩy mạnh, đã tổ chức được 02 lớp đào tạo CNTT cho cán bộ, công chức trên địa bàn huyện; công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin được duy trì, không có sự cố xảy ra; Hỗ trợ nâng cấp Đài truyền thanh các xã Song Vân, Ngọc Vân, Đại Hóa, Quang Tiến; Quản lý tốt các cơ sở, điểm kinh doanh văn hoá, văn nghệ, dịch vụ giải trí trên địa bàn<sup>(16)</sup>.

## 2.2. Công tác Giáo dục - Đào tạo

Năm học 2017-2018, huyện Tân Yên hoàn thành xuất sắc 10/15 lĩnh vực công tác, 5/15 lĩnh vực được đánh giá hoàn thành. Tham gia các cuộc thi cấp tỉnh đạt nhiều giải cao (*HSG cấp tỉnh đạt 4 giải nhất, 10 giải nhì, 19 giải ba, 18 giải KK*). Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được duy trì tại 24/24 xã, thị trấn; phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3 tại 24/24 xã, thị trấn; phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 tại 13/24 xã, thị trấn; mức độ 2 tại 11 xã, thị trấn. Chất lượng đội ngũ giáo viên 100% đạt chuẩn, 82,6% trên chuẩn; 167 giáo viên đạt giải cấp tỉnh (MN: 65; TH: 57; THCS: 45). Hoàn thành các môn học bậc Tiểu học đạt 99,34%; Tỷ lệ tốt nghiệp THCS 2381/2390 học sinh, đạt 99,62%. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 99,05% giảm 0,01% so với năm học trước. Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trong các nhà trường, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 92,5% tăng

<sup>9</sup> Trang trí 2.033 chiếc băng zôn, niêm yết 2.111 tranh cổ động, áp phích các loại; 65.135 chiếc cờ tổ quốc, 5.928 chiếc cờ mừng, cờ hội, 4000 tờ rơi về phòng chống bạo lực gia đình, hơn 1.100 cuốn tạp chí; 190 khẩu hiệu qua đường tuyên truyền NTM, Kỷ niệm 70 năm ngày Bác Hồ tặng CANN Sáu điều Bác Dạy; Trung tâm VH-TT huyện: Treo 140 chiếc băng zôn, 20 dây cờ vải qua đường, 130 lượt cờ đuôi cá, 600 lượt cờ mừng, thay mới 9 pano khổ lớn, 20 pano khổ nhỏ; Các doanh nghiệp trên địa bàn tổ chức thay mới hệ thống pano tuyên truyền đã rách, cũ trên địa bàn huyện.

<sup>10</sup> Đã công nhận 277 thôn, khu phố văn hóa, đạt 75,4%; 38/367 thôn, khu phố đề nghị Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen đạt thành tích đạt 3 năm liên tục; 7/367 thôn, khu phố điển hình "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp"; 150/217 cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, đạt 81,04%; 03 xã (Đại Hóa, Ngọc Châu, Lam Cốt) đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; tỷ lệ gia đình văn hóa toàn huyện đạt 86,2%.

<sup>11</sup> Đình Bảng Cục- xã Ngọc Châu, Lăng Giáp Đăng Luân - xã Việt Lập, Chùa Gia - xã Việt Ngọc, Đền thờ Quận Công Dương Hùng Lượng - xã Song Vân, Quán Chức - xã Đại Hóa.

<sup>12</sup> Lễ hội Đền Trưng, Ngọc Châu; Đình Hà, xã Tân Trung; Đình Vòng, xã Song Vân; Đền Dành, xã Liên Chung

<sup>13</sup> Tổ chức đón tiếp hơn 15.000 lượt người tới tham dự Hội Báo xuân Mậu Tuất năm 2018, Lễ kỷ niệm 70 năm Bác Hồ có Sáu điều dạy CAND; tổ chức 12 chuyến du lịch về nguồn cho hơn 1500 em học sinh và thầy cô giáo, cán bộ đi tham quan du lịch trong và ngoài tỉnh. Trong năm toàn huyện đã đón gần 100.000 lượt người đến tham quan văn cảnh tại các điểm du lịch, di tích và danh thắng trên địa bàn (*trong đó riêng Khu lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy CAND đã tổ chức đón tiếp được 547 đoàn với 22.283 lượt người trong đó có 275 đoàn với 8.335 lượt người dâng hương, dâng hoa*)...

<sup>14</sup> Tham dự Các giải TDTT cấp tỉnh: kết quả đạt: Giải Vật tỉnh Bắc Giang đạt 06 HCV, 7 HCB, 2 HCD; giải Kéo cào 1 HCB, 3 HCD; Giải đẩy gậy 03 HCB; giải Việt dã 2 HCV, 3 HCD, 5 HCD; giải Bóng bàn 3 HCV, 5 HCD; giải võ thuật tỉnh Bắc Giang đạt 13 HCV, 6 HCB, 1 HCD; giải Đá cầu 6 HCV, 4 HCB, 3 HCD; giải Bóng chuyền 1 HCB; giải Bơi: đạt 01 HCV, 3 HCD; tham dự Giải Vô địch Bóng đá nam 1 HCB; giải Cầu lông 1 HCV, 1 HCB, 1 HCD; giải Cầu lông gia đình 3 HCV, 1 HCB.

<sup>15</sup> Trên địa bàn có 1.381 đám cưới, 685 việc tang (*trong đó có 91 trường hợp hỏa táng*) thực hiện theo nếp sống văn minh.

<sup>16</sup> Kiểm tra và nhắc nhở 40/44 điểm hoạt động kinh doanh, xử phạt 04 chủ cơ sở kinh doanh lưu trú, karaoke, kinh doanh TDTT với số tiền 10 triệu đồng.

0,5% so với năm trước; tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia 69/78 bằng 88,5% (*tăng 02 trường*) dự kiến đến hết năm 2018 hoàn thành thêm 01 trường nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn lên 89,7% đạt 100% so với KH. Triển khai các nhiệm vụ năm học 2018-2019; thành lập Trường Tiểu học Cao Xá trên cơ sở sáp nhập trường TH Cao Xá 1, TH Cao Xá 2; thành lập Trường MN An Dương trên cơ sở sáp nhập trường mầm non An Dương 1 và trường mầm non An Dương 2.

Chỉ đạo các xã, thị trấn, các trường học rà soát các công trình vệ sinh cho học sinh và giáo viên để có kế hoạch cải tạo, xây mới nhằm đảm bảo có đủ công trình vệ sinh hợp tiêu chuẩn trong các trường học.

### **2.3. Công tác Y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình**

Chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn được tăng cường, tập trung phát triển và nâng cao năng lực khám chữa bệnh. Tăng cường công tác tuyên truyền, phòng chống dịch, đặc biệt là dịch bệnh sốt xuất huyết, bệnh dại. Duy trì giám sát dịch bệnh truyền nhiễm tại bệnh viện và cộng đồng, không có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra trên địa bàn. Thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn thực phẩm; UBND huyện phối hợp với Hội Nông dân tổ chức thành công Hội thi “*Nông dân Tân Yên tìm hiểu kiến thức an toàn thực phẩm năm 2018*”. Trong năm không có vụ ngộ độc thực phẩm nguy hiểm xảy ra trên địa bàn. Tăng cường củng cố và phát triển hệ thống y tế, quy mô giường bệnh của bệnh viện tăng lên từ 21 lên 21,7 giường/1 vạn dân (*vượt 0,7% so cùng kỳ vượt KH 0,2%*); tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng ở mức thấp 12,3% (*giảm 0,5% so cùng kỳ, vượt KH 0,2%*); tỷ lệ người dân tham gia BHYT 97,5% (*tăng 4% so cùng kỳ, vượt KH 2,5%*). Công tác quản lý hành nghề y, dược được tăng cường, thành lập Ban chỉ đạo ở cấp huyện và xã về quản lý hành nghề y, dược. Chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính về cung cấp dịch vụ y, dược, an toàn thực phẩm.

Quản lý dân số, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản được duy trì; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,05%. Tổng số sinh 2.990 người, giảm 20 so với cùng kỳ, mức giảm sinh 0,4‰; tỷ số giới tính khi sinh 109 nam/100 nữ; số sinh lần 3 là 346 người tăng 10 người so với cùng kỳ.

### **2.4. Công tác Lao động - Thương binh và xã hội**

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm thường xuyên được quan tâm chỉ đạo. Giải quyết việc làm mới cho 3450 lao động, đạt 101,2% KH, xuất khẩu lao động 348 người đạt 105% KH; tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động đạt 63%, tăng 1 % so với cùng kỳ. Thực hiện kịp thời các chính sách an sinh xã hội, người có công, đã chi trả chế độ hàng tháng cho 3675 đối tượng người có công với tổng kinh phí trên 79 tỷ đồng; chi trả chế độ cho 6460 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng kinh phí gần 30 tỷ đồng, cấp trên 77.000 thẻ BHYT cho các nhóm đối tượng được hưởng theo quy định<sup>(17)</sup>; tổ chức tốt việc điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2018; tỷ lệ hộ nghèo 4,16%, giảm 1,25% so với cùng kỳ.

<sup>17</sup> Trong đó: 13.800 thẻ đối tượng người có công, trên 4.000 thẻ đối tượng BTXH, 7.529 thẻ hộ nghèo, trên 9.000 thẻ hộ cận nghèo và gần 43.000 thẻ hộ làm nông, lâm nghiệp có mức sống trung bình.

### **3. Về lĩnh vực nội chính**

#### **3.1. Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật**

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được quan tâm thực hiện. Tổ chức 86 hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật những quy định Bộ luật Hình sự năm 2015, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo, dân sự, đất đai, môi trường, xử lý vi phạm hành chính, quy định về an toàn giao thông đường bộ với trên 6320 lượt người tham dự; phát 5.360 tài liệu tuyên truyền các loại, phát 420 lần phát sóng chương trình PBGDPL trên đài truyền thanh xã. Phối hợp với Công ty Luật Bảo Ngọc thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp lý tại xã Ngọc Thiện cho hơn 100 người tham dự. Triển khai tháng hành động phòng, chống ma túy năm 2018, phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù; triển khai hưởng ứng “Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người 30/7”; Triển khai Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Công tác Hoà giải ở cơ sở thường xuyên được quan tâm chỉ đạo của huyện cũng như các xã, thị trấn, các tổ hòa giải thực hiện tổ chức hòa giải 106 vụ việc, tỷ lệ hòa giải thành 88/106 vụ đạt tỷ lệ 83%.

#### **3.2. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng**

Kiến toàn đội ngũ cán bộ quản lý và thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Tỉnh ủy Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khoá XII “*một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả,*” và “*tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định thành lập Trung tâm Dịch vụ- Kỹ thuật nông nghiệp huyện trên cơ sở tổ chức lại 03 đơn vị (*Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và BVTV thuộc Sở NN&PTNT; Trạm Khuyến nông trực thuộc UBND huyện*); thành lập Trung tâm Văn hóa- Thông tin và Thể thao huyện trên cơ sở hợp nhất Đài Truyền thanh và Trung tâm Văn hóa- thể thao huyện. Xây dựng đề án sáp nhập xã Cao Thượng vào thị trấn Cao Thượng và đề án phân loại đô thị thị trấn Cao Thượng trở thành đô thị loại V.

Tập trung đẩy mạnh công tác giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; công khai quy trình, danh mục, thời gian giải quyết thủ tục hành chính; niêm yết đường dây nóng tiếp nhận phản ánh kiến nghị của các tổ chức, công dân... Triển khai đồng bộ việc sử dụng và ghi sổ quản lý hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Tổ chức 02 lớp tập huấn đào tạo kiến thức về xây dựng, áp dụng, duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 trong hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn.

### **3.3. Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng, tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân**

Công tác thanh tra được triển khai nghiêm túc, đã triển khai thực hiện 6/7 cuộc thanh tra tại 19 đơn vị theo kế hoạch, bằng 86% kế hoạch<sup>18</sup>, đã ban hành kết luận đối với 05 cuộc thanh tra, kết thúc thanh tra trực tiếp đối với 01 cuộc thanh tra XDCB. Qua thanh tra, phát hiện 12/19 đơn vị có sai phạm, tổng số tiền phát hiện vi phạm: 1.311,6 triệu đồng<sup>19</sup>.

Công tác phòng, chống tham nhũng được đảm bảo, tính công khai, minh bạch trong hoạt động các cơ quan, đơn vị nhà nước từng bước được cải thiện, 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân theo quy định.

Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được tập trung chỉ đạo với nhiều biện pháp quyết liệt, huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Tình hình đơn thư khiếu nại, tố cáo cấp huyện có chiều hướng giảm, những vụ việc phức tạp, kéo dài được giải quyết triệt để, thực hiện tốt việc công khai kết quả giải quyết, tạo được sự đồng thuận trong nhân dân. Toàn huyện đã tiếp công dân 380 buổi, với 405 lượt người đến phản ánh 238 vụ việc (195 vụ việc mới, 43 vụ việc cũ). Tiếp nhận 215 đơn các loại, trong đó 198 đơn đủ điều kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết; 08 đơn tồn năm 2017. Tổng số đơn đã giải quyết xong 198/206, đạt 96,1%.

### **3.4. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương**

Thường xuyên duy trì và thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, rèn luyện kỷ luật, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Thực hiện công tác tuyển và giao nhận quân năm 2018, đạt 100% chỉ tiêu (295 thanh niên). Tăng cường, nắm tình hình, các biện pháp ứng phó, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị và các ngày lễ lớn của đất nước. Chỉ đạo xã An Dương, Phúc Sơn, Phúc Hòa tổ chức diễn tập PCTT-TKCN; xã Song Vân, thị trấn Cao Thượng tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ năm 2018.

Triển khai tốt công tác động viên dân quân dự bị, công tác giáo dục QP&AN theo kế hoạch; hoàn thành 100% chỉ tiêu tập huấn, huấn luyện, hội thao cho lực lượng DQTV theo kế hoạch và đảm bảo an toàn. Tiếp tục nhận và xét duyệt hồ sơ cho các đối tượng chính sách theo Quyết định số 142, 49, 62 của Thủ tướng Chính phủ, trong năm đã chi trả trợ cấp cho 1.966 trường hợp theo Quyết định 49, 62 của Thủ tướng Chính phủ với số tiền 4.606.500.000 đồng; tiếp nhận và xét duyệt 144 hồ sơ thương binh cho các trường hợp theo Thông tư 28, Thông tư 202 của Bộ Quốc phòng, đến nay đã có 03 trường hợp được hưởng chế độ thương binh.

<sup>18</sup> 01 cuộc thanh tra công tác quản lý đầu tư XDCB các công trình do Trung tâm PTQĐ&CCN huyện làm chủ đầu tư giai đoạn 2013 - 2017; 01 cuộc thanh tra trách nhiệm đối với Chủ tịch xã trong việc thực hiện pháp luật về KNTC và PCTN tại 05 đơn vị (Việt Lập, Quê Nham, Ngọc Vân, Ngọc Thiện, Song Vân); 01 cuộc thanh tra công tác quản lý và sử dụng ngân sách tại xã Cao Xá giai đoạn 2012 - 2016; 01 cuộc thanh tra PCTN tại 03 đơn vị (Phòng TN&MT, Phòng NN&PTNT, Trường Tiểu học Liên Sơn); 01 cuộc thanh tra công tác quản lý, sử dụng ngân sách tại thị trấn Cao Thượng giai đoạn 2012 - 2015; 01 cuộc thanh tra công tác quản lý đầu tư XDCB đối với các công trình do Chủ tịch UBND huyện, Chủ tịch UBND xã, thị trấn làm chủ đầu tư giai đoạn 2013 - 2017.

<sup>19</sup> Trong đó: Kiến nghị thu hồi: 727,1 triệu đồng, kiến nghị xử lý khác 584,5 triệu đồng.



### **3.5. Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội**

Tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định, không có vụ việc phức tạp, điểm nóng phát sinh, góp phần tích cực phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn.

Tình hình tội phạm 10 tháng đầu năm 2018 xảy ra 50 vụ bằng số vụ so với cùng kỳ, trong đó: Trộm cắp xảy ra 03 vụ (*02 vụ giết người, 01 vụ cướp tài sản*); án ít nghiêm trọng xảy ra 47 vụ (*cố ý gây thương tích 23 vụ, trộm cắp tài sản 13 vụ, hủy hoại tài sản 03 vụ, cướp giật tài sản 03 vụ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản 03 vụ, đâm ô với trẻ em 01 vụ, giao cấu với người đủ 13 đến dưới 16 tuổi 01 vụ*).

Tai nạn giao thông đến ngày 25/10/2018 xảy ra 27 vụ, 27 người chết, 03 người bị thương; tăng 19 vụ, 20 người chết, giảm 01 người bị thương so cùng kỳ. Tai nạn khác xảy ra 14 vụ làm 14 người chết.

## **II. NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

Diện tích, sản lượng của một số cây trồng (*lạc, khoai lang*) không đạt kế hoạch đề ra. Hiệu quả sản xuất của một số mô hình ứng dụng công nghệ cao chưa bền vững; việc vận động nhân dân cho tập đoàn T&T thuê đất để đầu tư dự án "*Nông trường mẫu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*" không thực hiện được.

Đầu tư xây dựng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa nhiều; chưa có doanh nghiệp lớn vào địa bàn liên kết sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Sản xuất cây ăn quả chưa có sự liên kết theo nhóm hộ, tổ hợp tác; việc quản lý chất lượng sản phẩm khó khăn, thị trường tiêu thụ thiếu ổn định.

Một số đơn vị triển khai thực hiện các công trình xây dựng nông thôn mới chậm (*xã Lam Cốt*); các xã về đích NTM chưa quan tâm đến việc duy trì các tiêu chí đã được công nhận.

Một số chỉ tiêu kinh tế xã hội khó hoàn thành kế hoạch đề ra như: Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, tai nạn giao thông; thu thuế Ngoài quốc doanh, Lệ phí trước bạ.

Công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư và xây dựng cơ bản còn hạn chế. Tiến độ thực hiện BTXM theo Nghị quyết 07/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh chậm so với kế hoạch.

Quản lý đất đai, môi trường có mặt còn hạn chế, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chuyên môn và địa phương. Một số xã, thị trấn chưa tập trung chỉ đạo giải quyết xử lý rác thải trên địa bàn; hiện nay còn 7 đơn vị chưa xây dựng được khu xử lý rác thải tập trung<sup>20</sup>. Hiện tượng lợi dụng việc hạ thấp độ cao, cải tạo ao, hồ khai thác đất trái phép còn diễn ra. Công tác chỉnh lý biến động đất đai trên hồ sơ địa chính sau hiến đất còn chậm.

<sup>20</sup>Gồm các xã: An Dương, Liên Sơn, Tân Trung, Cao Xá, Lam Cốt, Việt Ngọc, Liên Chung

Công tác tuyên truyền, quảng bá về tiềm năng du lịch còn chưa hiệu quả; một số lễ hội tổ chức còn mang tính hình thức, đơn điệu; công tác quản lý nhà nước về dịch vụ viễn thông, quảng cáo còn chưa được tăng cường.

Công tác quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực như: Hành nghề y, dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm còn hạn chế; Trên địa bàn còn một số cơ sở y, dược tư nhân không phép hoạt động, việc xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ sở vi phạm thấp.

Tỷ lệ sinh con thứ 3 tăng; tình trạng cán bộ, đảng viên vi phạm chính sách DS-KHHGD có chiều hướng gia tăng (tăng 03 người so với cùng kỳ); chênh lệch giới tính còn cao.

Một số trường học chưa coi trọng việc bồi dưỡng phát triển năng khiếu học sinh; công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia nhiều đơn vị chậm, muộn so với kế hoạch; tỷ lệ phòng học kiên cố hóa tăng chậm.

Khiếu nại, tố cáo tiềm ẩn nhiều phức tạp; phát sinh khiếu kiện đông người. Sự phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị chưa đồng bộ nên hiệu quả trong giải quyết các vấn đề phức tạp chưa cao như: Việc thu phí sử dụng hành lang giao thông tại thị trấn Cao Thượng; Công tác tham mưu chuyển đổi mô hình quản lý và khai thác chợ Mọc chưa chặt chẽ theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang nên chưa tạo được sự đồng thuận của các tiểu thương, gây tụ tập đông người làm mất ổn định tình hình trật tự trên địa bàn huyện.

Tình hình an ninh trật tự trên một số mặt vẫn tiềm ẩn phức tạp<sup>21</sup>; việc nắm tình hình, giải quyết về tôn giáo, triệt phá các tụ điểm ma túy còn hạn chế<sup>22</sup>. Tai nạn giao thông, tội phạm giết người, cố ý gây thương tích, cướp giật tăng. Việc lập lại trật tự hành lang, lòng đường, vỉa hè và xử lý các điểm họp chợ tạm còn hạn chế, không triệt để; hiện tượng tái lấn chiếm lòng đường, vỉa hè còn diễn ra.

## **2. Nguyên nhân**

### *2.1. Nguyên nhân khách quan*

Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa tương xứng với chi phí đầu tư do vậy việc đẩy mạnh sản xuất và xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện chưa nhiều. Giá bán quả vải thấp so với cùng kỳ.

Doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ nên hạn chế về năng lực tài chính, sản xuất nhỏ lẻ, tỷ lệ thu nộp ngân sách thấp. Quy định về địa bàn nộp phí trước bạ đối với các chủ phương tiện theo hộ khẩu làm ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách.

Nguồn vốn hỗ trợ xây dựng nông thôn mới từ Trung ương, tỉnh chậm phân bổ nên các xã chậm trong triển khai kế hoạch.

<sup>21</sup> Tình hình an ninh trật tự tại chợ Mọc, thị trấn Cao Thượng phức tạp.

<sup>22</sup> Một số tụ điểm bán ma túy ở Thị trấn Nhã Nam, xã Liên Sơn, xã Cao Xá

## 2.2. Nguyên nhân chủ quan

Năng lực chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu; chưa quyết liệt trong điều hành và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm được giao; việc nắm tình hình các vụ việc có tính chất phức tạp còn hạn chế.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị còn chưa đôn đốc các xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đã được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt đối với Chủ tịch UBND cấp xã. Chủ tịch UBND một số xã, thị trấn chưa quyết liệt trong điều hành thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền vẫn còn tình trạng đùn đẩy lên huyện.

Các cơ quan được giao nhiệm vụ chưa tích cực tham mưu, đề xuất các giải pháp tăng thu và xử lý nợ đọng tiền thuê đất của các doanh nghiệp trên địa bàn. Công tác xử lý nợ đọng XDCB của một số xã chưa được tập trung thực hiện.

Việc thực hiện công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn chủ quan, né tránh, trông chờ cấp trên; thiếu kiểm tra, đôn đốc, xử lý các vi phạm.

Việc định hướng trồng cây ăn quả, cây dược liệu thực hiện chưa hiệu quả. Trong xây dựng nông thôn mới các xã chưa chủ động thực hiện, còn trông chờ nguồn kinh phí hỗ trợ từ cấp trên.

Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ chưa chặt chẽ; một số cán bộ, công chức chưa thực sự làm tròn nhiệm vụ, thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu tinh thần học hỏi nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; chưa làm tốt công tác hỗ, tự vấn, giúp đỡ cơ sở giải quyết công việc.

Ý thức chấp hành an toàn giao thông đường bộ, lấn chiếm lòng đường, vỉa hè của một số người dân chưa cao. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành các quy định về trật tự hành lang ATGT đường bộ còn hạn chế; công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý xe chở hàng quá khổ, quá tải chưa quyết liệt.

## **Phần thứ hai**

### **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2019**

#### **I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

##### **1. Mục tiêu chung**

Tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành, tranh thủ các điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; tập trung phát triển ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất trong nông nghiệp; định hướng phát triển chăn nuôi. Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Nâng cao chất lượng các lĩnh vực văn hóa - xã hội; thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và

đẩy mạnh CCHC; củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

## **2. Một số chỉ tiêu chủ yếu**

1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất (*giá cố định*): 11,1%
2. Cơ cấu kinh tế (*giá hiện hành*): Nông, lâm nghiệp thủy sản 34,3%, Công nghiệp xây dựng 38,2%, Thương mại - dịch vụ 27,6%.
3. Giá trị sản xuất bình quân đầu người (*giá hiện hành*): 72,6 triệu đồng.
4. Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha canh tác: 153 triệu đồng.
5. Xây dựng nông thôn mới: có thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã chưa đạt chuẩn bình quân đạt 16,8 tiêu chí/xã.
6. Thu ngân sách trên địa bàn: 190 tỷ đồng (*Trong đó, không tính tiền sử dụng đất là 89 tỷ đồng*).
7. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn: 3.640 tỷ đồng.
8. Tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học: 95%. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 89,6% (*tăng 02 trường*).
9. Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 64%.
10. Số lao động được tạo việc làm mới: 3.500 người.
11. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 0,5%/năm.
12. Tỷ lệ xã đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã 100%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn 98%.
13. Mức giảm tỷ lệ sinh: 0,2‰.
14. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi: 12,5%.
15. Danh hiệu văn hóa: Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu GDVH: 87% trở lên; Tỷ lệ đơn vị đạt danh hiệu LVH-KPVH cấp huyện: 78% trở lên; Tỷ lệ cơ quan đạt danh hiệu văn hóa 84% trở lên.
16. Tỷ lệ thu gom chất thải ở nông thôn: 70%; Tỷ lệ rác thải nông thôn được xử lý: 60%. Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được thu gom: 97%; Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được xử lý: 90%.
17. Tai nạn giao thông: Giảm 10% số vụ, số người chết, số người bị thương so với năm 2018.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2019**

1. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; liên kết với doanh nghiệp xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Chuyển dịch cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng cây ăn quả, cây dược liệu, cây rau quả chế biến, rau quả thực phẩm. Khuyến khích phát triển mạnh doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp gắn với thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ, phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi để tăng quy mô tổng đàn; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi tập trung, phát triển trang trại, từng bước

khuyến khích đầu tư đồng bộ, hiện đại theo chuỗi giá trị (từ giống, thức ăn, thuốc thú y... đến giết mổ, tiêu thụ). Tiếp tục triển khai Nghị quyết hỗ trợ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; phấn đấu năm 2019 có thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới và bình quân mỗi xã còn lại tăng thêm 0,5 tiêu chí.

2. Tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, thực hiện tốt Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh. Kiểm soát chặt chẽ việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn NSNN, TPCP; nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư và các cơ quan chuyên môn trong việc lập, thẩm định dự án đầu tư. Tập trung giải quyết tình trạng nợ xây dựng cơ bản ở cấp xã.

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Triển khai đồng bộ các giải pháp để đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh, tăng cường xúc tiến đầu tư vào địa bàn. Chuyển đổi mô hình quản lý kinh doanh khai thác và quản lý chợ Lữ Vân, xã Phúc Sơn.

Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư vào địa bàn như: Đường tỉnh lộ 295 đoạn từ Ngọc Châu đi thị trấn Thắng huyện Hiệp Hòa, đường tỉnh lộ 294 đoạn từ Tân Sỏi Yên Thế đi Phúc Sơn Tân Yên; đường Kênh Chính đoạn từ Phúc Sơn đi Ngọc Thiện; dự án khu đô thị An Huy, thị trấn Cao Thượng. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang về chính sách hỗ trợ làm đường BTXM gắn phát triển kết cấu hạ tầng giao thông với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường GPMB, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án. Chỉ đạo quyết liệt, giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Tiến hành kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2016-2020. Thực hiện tốt các biện pháp quản lý thu, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế; rà soát, nắm chắc các nguồn thu ở các lĩnh vực, ngành nghề và các địa bàn có khả năng tăng thu; theo dõi chặt chẽ việc đăng ký kinh doanh, kê khai thuế, phân loại các nguồn thu để có biện pháp thu hiệu quả. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu các dự án có sử dụng đất, khai thác đất nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện các hành vi trốn thuế, chuyển giá, tránh thất thu ngân sách nhà nước.

Quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; chủ động xây dựng phương án dự phòng xử lý các trường hợp đột xuất, khẩn cấp. Các xã, thị trấn tiến hành rà soát, đánh giá lại các khoản thu và nợ đọng trong đầu tư xây dựng cơ bản, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; xây dựng phương án cụ thể để xử lý.

4. Tăng cường hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên môi trường. Công khai thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận quỹ đất phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Kiên quyết thu hồi và xử lý nghiêm các trường hợp không thực hiện, thực hiện chậm trễ, kéo dài hoặc sử dụng đất sai mục đích, kém hiệu quả. Tập trung chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện công tác dồn đổi ruộng. Tiếp tục thực hiện việc chỉnh lý biến động đất đai sau hiến đất.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và trách nhiệm của xã hội trong bảo vệ môi trường; triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư các dự án bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý rác thải; ứng dụng công nghệ mới để xử lý ô nhiễm môi trường; giải phóng mặt bằng bãi rác tập trung của xã.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy của các cấp học. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn, cải thiện thành tích thi học sinh giỏi quốc gia và cấp tỉnh. Tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm trái quy định, lạm thu trong các trường học và cơ sở đào tạo. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học theo hướng chuẩn hoá, kiên cố hoá, hiện đại hoá; phấn đấu nâng tỷ lệ phòng học kiên cố lên 95%; Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia 89,6%.

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; Quản lý chặt chẽ hoạt động hành nghề y dược tư nhân; tăng cường quản lý nhà nước về thuốc chữa bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh phát triển đối tượng tham gia BHYT, phấn đấu đến hết năm 2019 có trên 98% dân số trên địa bàn có thẻ BHYT. Nâng cao chất lượng dịch vụ dân số, gắn với chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh.

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Khai thác và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh để phát triển du lịch, nhất là khu sinh thái Núi Dành và 12 điểm Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt. Duy trì các phong trào thể dục thể thao quần chúng; tiếp tục quan tâm phát triển thể thao thành tích cao.

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình giảm nghèo; nắm chắc đời sống nhân dân, nhất là dịp Tết Nguyên đán để kịp thời hỗ trợ, không để người dân thiếu đói.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; chỉ đạo các ngành, tổ chức chính trị- xã hội xây dựng chương trình phối hợp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Tỉnh ủy Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khoá XII “*một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”, và “*tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”. Xây dựng đề án sáp nhập xã Cao Thượng vào thị trấn Cao Thượng và đề án phân loại đô thị thị trấn Cao Thượng trở thành đô thị loại V.

Xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước; quy định rõ trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trong việc giải quyết từng nhiệm vụ cụ thể. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành của huyện. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả trong giải quyết công việc; xử lý nghiêm các cán bộ, công chức gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu cho tổ chức và công dân.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo mô hình một cửa, một cửa liên thông; giảm bớt đầu mối, rút ngắn thời gian giải quyết cho tổ chức, công dân; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và công bố công khai các thủ tục hành chính.

7. Tăng cường thanh tra, kiểm tra để phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng; nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng chống tham nhũng; tăng cường hơn nữa trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công khai, minh bạch thông tin về tiến độ giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính và thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của các tổ chức, cá nhân đối với các cơ quan nhà nước. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và ý thức chấp hành pháp luật của mỗi cá nhân và cộng đồng.

8. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; nắm chắc tình hình tôn giáo, các địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự để chủ động xử lý các tình huống, không để bị động, bất ngờ; bảo vệ tuyệt đối an toàn trong các ngày lễ, sự kiện chính trị quan trọng. Thực hiện tốt công tác tuyển quân, huấn luyện, diễn tập, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định.

Tăng cường đấu tranh trấn áp các loại tội phạm; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, kiềm chế, không để tội phạm gia tăng; đẩy lùi nạn trộm cắp, cờ bạc, ma túy. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên địa bàn; thực hiện quyết liệt các giải pháp kiểm soát tải trọng phương tiện vận tải, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

9. Phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức trong hệ thống chính trị để thực hiện tốt công tác tuyên

truyền, vận động quần chúng nhân dân, hội viên tham gia xây dựng, phát triển kinh tế- xã hội. Nâng cao chất lượng trong công tác phối hợp xử lý các vấn đề xã hội, thực hiện các mô hình điểm,..coi trọng công tác sơ, tổng kết, phát huy điển hình nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế- xã hội năm 2019 đề ra./.

**Nơi nhận:**

- Lưu: VT.

**Bản điện tử:**

- VPUBND tỉnh, Sở KH&ĐT tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Huyện ủy, UBND huyện.
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Đức Cảnh



**CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2018, KẾ HOẠCH NĂM 2019**  
(Kèm theo Báo cáo số 249/BCLUBND ngày 26/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện)

Số TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh		
			Kế hoạch giao	Ước thực hiện		U' TH 2018/T H 2017 (%)	U' TH 2018 năm 2018 (%)	KH2019/ U' TH 2018 (%)
<b>A</b>	<b>CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng giá trị sản xuất (giá CD 2010)</b>							
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	6,447	7,255	8,279	115.5	102.7	111.1
	- Công nghiệp-Xây dựng	Tỷ đồng	2,291	2,475	2,669	106.9	98.9	109.0
	- Dịch vụ, thương mại	Tỷ đồng	2,476	2,990	3,489	124.7	103.3	113.0
		Tỷ đồng	1,680	1,790	2,121	113.8	106.8	110.9
<b>2</b>	<b>Tổng giá trị sản xuất (giá HH)</b>							
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	9,182	10,550	12,700	120.8	105.2	114.5
	- Công nghiệp-Xây dựng	Tỷ đồng	3,483	3,860	4,350	111.1	100.2	112.5
	- Dịch vụ, thương mại	Tỷ đồng	3,281	3,990	4,850	129.9	106.8	113.8
		Tỷ đồng	2,418	2,700	3,500	122.6	109.8	118.1
<b>3</b>	<b>Cơ cấu GTSX theo ngành kinh tế (giá HH)</b>							
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	100.00	100.00	100.00			
	- Công nghiệp-Xây dựng	%	37.9	36.6	34.3			
	- Dịch vụ	%	35.7	37.8	38.2			
		%	26.3	25.6	27.6			
<b>4</b>	<b>Giá trị sản xuất bình quân đầu người</b>	Tr.đồng	54.1	61.4	73.4	119.5	105.3	113.5
<b>5</b>	<b>Giá trị sản xuất bình quân 1ha canh tác</b>	Tr.đồng	130	138	153	103.1	97.3	114.1
<b>6</b>	<b>Thu - chi ngân sách</b>	Tr.đồng						
<b>a)</b>	<b>Thu ngân sách</b>	"	807.7	654.6	680.0	116.8	144.1	72.1
	Thu ngân sách trên địa bàn	"	265.1	174.8	190.0	141.9	215.2	50.5
	Trong đó: Thu không tính tiền đất	"	79.2	84.8	89.0	138.9	129.7	80.9
<b>b)</b>	<b>Chi ngân sách</b>							
	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	184.1	81.0	150.0	157.0	356.8	51.9

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		Kế hoạch năm 2019	ƯTH2018/T H 2017 (%)	ƯTH 2018/KH năm 2018 (%)
	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	562.0	538.9	540.0	525.0	96.1	100.2	97.2
	<i>Trong đó:</i>								
	- Chi các sự nghiệp (GD, YT, VH, KT...)	Tỷ đồng	440.4	405.2					
	- Chi cho quản lý hành chính nhà nước	Tỷ đồng	121.6	116.5					
<b>6</b>	<b>Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2,350</b>	<b>2,400</b>	<b>3,217</b>	<b>3,640</b>	<b>136.9</b>	<b>134.0</b>	<b>113.1</b>
	- Vốn ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	260	250	344	400	132.3	137.6	116.3
	- Đầu tư của các doanh nghiệp	Tỷ đồng	300	300	375	450	125.0	125.0	120.0
	- Đầu tư trong dân cư	Tỷ đồng	1,790	1,850	2,498	2,790	139.6	135.0	111.7
<b>B</b>	<b>MỘT SỐ CHỈ TIÊU KT CHỦ YẾU</b>								
<b>I</b>	<b>NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN</b>								
<b>1</b>	<b>Giá trị SX nông, lâm, thủy sản (Giá HH)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>3,483</b>	<b>3,860</b>	<b>3,868</b>	<b>4,350</b>	<b>111.1</b>	<b>100.2</b>	<b>112.5</b>
	- Nông nghiệp	"	3,136	3,488	3,481	3,983	111.0	99.8	114.4
	+ Trồng trọt	"	1,445	1,530	1,511	1,803	104.6	98.8	119.3
	+ Chăn nuôi	"	1,625	1,878	1,898	2,100	116.8	101.1	110.6
	+ Dịch vụ nông nghiệp	"	66	80	72	80	109.1	90.0	111.1
	- Lâm nghiệp	"	18.0	22.0	25.0	27.0	138.9	113.6	108.0
	- Thủy sản	"	329.0	350.0	362.0	340.0	110.0	103.4	93.9
<b>2</b>	<b>Diện tích một số cây trồng chủ yếu</b>								
	- Lúa cả năm	Ha	13,063.0	12,797.0	12,853.0	12,800.0	98.4	100.4	99.6
	- Ngô	Ha	513.0	523.0	330.0	500.0	64.3	63.1	151.5
	- Khoai tây	Ha	159.5	173.0	208.0	210.0	130.4	120.2	101.0
	- Khoai lang	Ha	719.0	702.0	530.0	700.0	73.7	75.5	132.1
	- Lạc	Ha	2,760.0	2,606.0	2,689.0	2,700.0	97.4	103.2	100.4
	- Rau quả thực phẩm các loại	Ha	4,211.0	4,356.0	4,594.0	4,600.0	109.1	105.5	100.1

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		UTH2018/TH 2017 (%)	UTH 2018 năm 2018 (%)	KH2019/UTH 2018 (%)
	* Cây vải	Ha	1,320.0	1,320.0	1,329.0	1,300.0	100.7	100.7	97.8
3	Lâm nghiệp rừng	Ha	15.0	15.0	37.0	36.0	246.7	246.7	97.3
4	Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu								
	- Lúa cả năm	Tấn	73,050	74,275	74,275	74,000	101.7	102.7	99.6
	- Ngô	Tấn	1,646	1,677	1,095	1,500	66.5	65.3	137.0
	- Khoai tây	Tấn	1,923	2,077	2,515	2,500	130.8	121.1	99.4
	- Khoai lang	Tấn	8,122	7,898	6,021	7,000	74.1	76.2	116.3
	- Lạc	Tấn	7,340	6,967	5,722	6,000	78.0	82.1	104.9
	- Rau quả thực phẩm các loại	Tấn	65,530	67,569	50,407	55,000	76.9	74.6	109.1
	* Cây Vải	Tấn	13,000	10,500	15,000	13,000	115.4	142.9	86.7
5	Chăn nuôi								
	- Tổng đàn trâu (trung bình năm)	con	3,840.0	3,800.0	3,870.0	3,800.0	100.8	101.8	98.2
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	240.0	233.0	220.0	210.0	91.7	94.4	95.5
	- Tổng đàn bò (trung bình năm)	con	22,237	23,200	22,520	22,800	101.3	97.1	101.2
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	910.0	971.0	922.0	950.0	101.3	95.0	103.0
	- Tổng đàn lợn (trung bình năm)	1000con	220.4	191.0	205.3	220.0	93.1	107.5	107.2
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	30,230	23,302	30,500	31,500	100.9	130.9	103.3
	- Tổng đàn gia cầm các loại	1000 con	2,405	2,100	2,400	2,500	99.8	114.3	104.2
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	4,428	3,470	4,000	4,500	90.3	115.3	112.5
	Tổng sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	35,808	27,976	35,642.0	37,160	99.5	127.4	104.3
6	Thủy sản								
	- Diện tích nuôi, trồng thủy sản	Ha	1,365.0	1,349.0	1,350.0	1,350.0	98.9	100.1	100.0
	+ Diện tích thâm canh, bán thâm canh	Ha	1,210.0	1,998.2	1,150.0	1,180.0	95.0	57.6	102.6
	+ Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	Tấn	8,592.0	8,226.0	7,825.0	8,500.0	91.1	95.1	108.6

Số TT	CHỈ TIÊU	DVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		ƯTHH2018/T H 2017 (%)	ƯTH 2018/KH năm 2018 (%)	KH2019/ ƯTH 2018 (%)
7	XD cảnh đồng mẫu	CPD	24.0	24.0	24.0	24.0	100.0	100.0	100.0
8	Trang trại công nhận mới	Đơn vị	29.0	21.0	21.0	20.0	72.4	100.0	95.2
9	Số xã đạt xã NTM	Xã	2.0	2.0	3.0	3.0	150.0	150.0	100.0
<b>II CÔNG NGHIỆP - XÂY DỰNG</b>									
1	Giá trị sản xuất CN-TTCN -XD (Giá HH)	Tỷ đồng	3,281	3,990	4,262	4,850	129.9	106.8	113.8
a)	Công nghiệp - Tiêu thụ công nghiệp	"	986.0	1,140.0	1,350.0	1,660.0	136.9	118.4	123.0
	+ Ngoài quốc doanh	"	986.0	1,140.0	1,350.0	1,660.0	136.9	118.4	123.0
b)	Xây dựng	"	2295.0	2850.0	2912.0	3190.0	126.9	102.2	109.5
2	Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu								
	Gạch máy	Triệu v	142.0	145.0	144.0	145.0	101.4	99.3	100.7
	Sản phẩm may mặc	1000SP	15,500	16,000	16,100	16,500	103.9	100.6	102.5
<b>III DỊCH VỤ</b>									
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (giá HH)	Tỷ đồng	3,100.0	3,400.0	3,510.0	3,800.0	113.2	103.2	108.3
2	Giá trị thương mại, dịch vụ (giá HH)	Tỷ đồng	2,418	2,700	2,964	3,500	122.6	109.8	118.1
	<i>Trong đó:</i>								
	Thương mại	Tỷ đồng	592	710	765	950	129.2	107.7	124.2
	Dịch vụ	Tỷ đồng	1,826	1,990	2,199	2,550	120.4	110.5	116.0
<b>IV CHỈ TIÊU VH, XH - XD GIÀM NGHÈO</b>									
1	Dân số								
	- Dân số trung bình	10 <sup>3</sup> người	169.60	171.80	171.58	173.00	101.2	99.9	100.8
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1.15	1.10	1.06	1.10	-	-	-
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	%	0.20	0.20	0.40	0.20	-	-	-
	- Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)	%	113.0	113.0	109.0	110.0	-	-	-

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh			
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		U' TH 2018/ T H 2017 (%)	U' TH 2018/ KH năm 2018 (%)	KH2019/ U' TH 2018 (%)	
2	<b>Lao động việc làm</b>									
	- Số người trong độ tuổi lao động	Người	107,100	108,820	108,980	109,000	101.8	100.1	100.0	
	- Số người lao động tham gia trong ngành KTQD	Người	105,851	107,515	107,158	107,650	101.2	99.7	100.5	
	<i>Trong đó:</i> - Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Người	65,627	65,580	65,620	65,600	100.0	100.1		
	- Công nghiệp - Xây dựng	Người	24,874	25,800	25,170	25,920	101.2	97.6		
	- Dịch vụ	Người	15,350	16,135	16,300	16,320	106.2	101.0		
	- Cơ cấu lao động tham gia trong ngành KTQD	%	100	100	100	100	-	-	-	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	62.0	61.0	58.5	57.0	-	-	-	
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	23.5	24.0	24.5	25.0	-	-	-	
	- Dịch vụ	%	14.5	15.0	17.0	18.0	-	-	-	
3	- Tổng số người có việc làm mới trong năm	Người	3,407	3,410	3,450	3,500	101.3	101.2	101.4	
	<i>Trong đó: Lao động nữ</i>	Người	1,775	1,780	1,785	1,780	100.6	100.3	99.7	
	Số lao động xuất khẩu trong năm	Người	355	330	348	340	98.0	105.5	97.7	
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động	%	60.0	62.0	63.0	64.0	105.0	101.6	101.6	
	<b>Giảm nghèo</b>									
	- Tổng số hộ	Hộ	48,722	49,456	49,678	49,900	102.0	100.4	100.4	
	- Số hộ nghèo theo chuẩn mới	Hộ	2,632	1,980	1,987	1,796	75.5	100.4	90.4	
	- Tỷ lệ hộ nghèo đạt chuẩn mới	%	5.41	4.00	4.00	3.60	73.9	100.0	90.0	
	<b>Y tế, xã hội</b>									
	- Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	21.0	21.5	21.7	21.7	103.3	100.9	100.0	
- Số bác sĩ/vận dân	Bác sĩ	4.70	4.8	5.0	5.0	106.4	104.2	100.0		
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi	%	12.8	12.5	12.3	12.0	-	-	-		
- Số xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	xã	24.0	24.0	24.0	24.0	100.0	100.0	100.0		

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		Ư'HH2018/T H 2017 (%)	Ư'HH 2018/KH năm 2018 (%)	KH2019/ Ư'HH 2018 (%)
	- Tỷ lệ xã y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới 2011-2020)	%	95.8	95.8	95.8	100.0	-	-	-
	- Tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế	%	93.5	95.0	97.5	98.0	-	-	-
<b>5</b>	<b>Văn hóa</b>								
	- Gia đình được công nhận gia đình văn hóa	Gia đình	39,994	40,038	40,038	40,269	100.1	100.0	100.6
	- Tỷ lệ	%	86.1	86.2	86.2	87.0	100.1	100.0	100.9
	- Làng, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hoá cấp huyện	Làng, KP	292.0	293.0	293.0	290.0	100.3	100.0	99.0
	- Tỷ lệ	%	79.5	79.6	79.6	78.0	100.1	100.0	98.0
	- Số đơn vị đạt danh hiệu cơ quan văn hóa cấp huyện	Đơn vị	173.0	176.0	176.0	170.0	101.7	100.0	96.6
	- Tỷ lệ	%	82.0	83.4	83.4	84.0	101.7	100.0	100.7
	- Làng, khu phố điển hình	Làng, KP	2.0	1.0	1.0	1.0	50.0	100.0	100.0
	- Xã Văn hóa	Xã	2.0	1.0	1.0	1.0	50.0	100.0	100.0
<b>6</b>	<b>Giáo dục</b>								
<i>a</i>	<i>Số lượng</i>								
	- Quy mô trường	Trường	83	82	80	79	96.4	97.6	98.8
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	41,527.0	43,990.0	43,990.0	43,700.0	105.9	100.0	99.3
	+ Mẫu giáo	"	12,996.0	13,554.0	13,554.0	13,600.0	104.3	100.0	100.3
	+ Tiểu học	"	14,432.0	15,516.0	15,516.0	15,500.0	107.5	100.0	99.9
	+ Trung học cơ sở	"	9,150.0	9,867.0	9,867.0	9,500.0	107.8	100.0	96.3
	+ Trung học phổ thông	"	4,949.0	5,053.0	5,053.0	5,100.0	102.1	100.0	100.9
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	100.0	100.0	100.0	100.0	-	-	-
	- Tỷ lệ giáo viên so với học sinh	%	6.0	6.0	6.0	6.0	-	-	-

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		U' TH 2018/T H 2017 (%)	U' TH 2018/ KH 2018 (%)	KH2019/ U' TH 2018 (%)
	+ Mầm non	%	7	7	7	7	-	-	-
	+ Tiểu học	%	6.5	6.5	6.5	6.5	-	-	-
	+ THCS	%	7.0	7.0	7.0	7.0	-	-	-
	+ THPT	%	5.0	5.0	5.0	5.0	-	-	-
<b>b</b>	<b>Chất lượng</b>								
	- Xã, thị trấn đạt PCGD TH đúng độ tuổi mức độ 2	Xã, TT	24	24	24	24	100.0	100.0	100.0
	- Số xã, thị trấn duy trì đạt phổ cập THCS	Xã, TT	24	24	24	24	100.0	100.0	100.0
	- Phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi	Xã, TT	24	24	24	24	100.0	100.0	100.0
	- Tỷ lệ tốt nghiệp THPT	%	99.0	99.0	99.0	99.0	-	-	-
<b>c</b>	<b>Cơ sở vật chất</b>								
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	84.4	89.6	88.4	89.6	-	-	-
	Mầm non	Trường	22.0	23.0	23	22.0	104.5	100.0	95.7
	Tiểu học	Trường	24.0	24.0	23	22.0	95.8	95.8	95.7
	Trung học cơ sở	Trường	18.0	19.0	20	20.0	111.1	105.3	100.0
	Trung học phổ thông	Trường	3.0	3.0	3	3.0	100.0	100.0	100.0
	- Tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp học	%	92.0	92.5	94.0	95.0	-	-	-
	Mầm non	%	89.0	91.0	93.5	94.0	-	-	-
	Tiểu học	%	90.0	91.0	92.1	93.0	-	-	-
	Trung học cơ sở	%	99.5	99.5	99.5	99.8	-	-	-
	Trung học phổ thông	%	100.0	100.0	100	100.0	-	-	-
<b>7</b>	<b>Môi trường</b>								
	- Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được thu gom	%	95.0	97.0	97.0	97.0	-	-	-

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		Ư' TH 2018/ H 2017 (%)	Ư' TH 2018/ KH năm 2018 (%)	KH2019/ Ư' TH 2018 (%)
	- Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được xử lý	%	84.0	90.0	90.0	90.0	-	-	-
	- Tỷ lệ rác thải ở nông thôn được thu gom	%	65.0	70.0	70.0	70.0	-	-	-
	- Tỷ lệ rác thải ở nông thôn được xử lý	%	55.0	60.0	60.0	60.0	-	-	-
	- Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước HVS	%	98.0	98.0	98.0	98.0	-	-	-
	- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước HVS	%	91.0	94.0	94.0	94.0	-	-	-
<b>V</b>	<b>PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP</b>								
1	Doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động	DN	9.0	9.0	9.0	9.0	100.0	100.0	100.0
	<i>Trong đó: Doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	DN	9.0	9.0	9.0	9.0	100.0	100.0	100.0
2	Tổng số doanh nghiệp	DN	273.0	288.0	288.0	303.0	105.5	100.0	105.2
	<i>Trong đó: Doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	DN	273.0	288.0	288.0	303.0	105.5	100.0	105.2
3	Số doanh nghiệp thành lập mới trong năm	DN	54.0	15.0	29.0	15.0	53.7	193.3	51.7
4	Doanh nghiệp nước ngoài đăng ký mới	DN	1.0	1.0	0.0	1.0		0.0	
<b>VI</b>	<b>PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ</b>								
1	Tổng số Hợp tác xã	HTX	57.0	59.0	63.0	70.0	110.5	106.8	111.1
	<i>Trong đó thành lập mới</i>	HTX	4.0	2.0	6.0	7.0	150.0	300.0	116.7
<b>VII</b>	<b>PHÁT TRIỂN HỘ DÂN DOANH</b>	<b>HỘ</b>	<b>700.0</b>	<b>750.0</b>	<b>1128.0</b>	<b>800.0</b>	<b>161.1</b>	<b>150.4</b>	<b>70.9</b>